

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 21/8/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Minh Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Bá Thoan

2. Bà Lê Thị Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST - DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Bản Na M, xã Na M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn V, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Bản Na M, xã Na M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

3. *Người làm Chứng:* Anh Đỗ Viết Q, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Bản C, xã Trung T, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phiên tòa có mặt anh T; vắng mặt anh V, anh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Ngọc T trình bày:

Do có mối quan hệ là bạn bè, nhà ở gần nhau nên ngày 14/11/2016 anh Đoàn Văn V có hỏi anh Phạm Ngọc T vay tiền để lo việc riêng, nên anh T có cho anh V vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Khi vay tiền hai bên có viết giấy vay nợ, có thỏa thuận miệng lãi suất là 20%/năm, hạn trả vào ngày 14 tháng

12 năm 2016, có anh Đỗ Viết Q chứng kiến và ký tên là người làm chứng. Đến hạn trả nợ, anh T đến hỏi nhiều lần nhưng anh V không trả được nợ gốc cho anh T mà khát lần, khát lượt, chây ì và chỉ trả tiền lãi cho anh T từ ngày 01/01/2017 đến hết tháng 12 năm 2017 với lãi suất theo anh T khai là 20%/năm. Kể từ đó đến nay anh V không trả được thêm số nợ gốc và lãi nào nữa. Anh V đi làm ăn thi thoảng có về, nhưng khi gặp nhau anh V vẫn không có thiện chí trả nợ; Nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V phải trả số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho anh và tiền lãi suất 20%/năm tính từ đầu năm 2018, thời gian là 18 tháng tương ứng với số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và còn phải trả lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Ngày 06/8/2019, nguyên đơn có đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn, mà chỉ đề nghị Tòa án buộc anh Đoàn Văn V trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Bị đơn, anh Đoàn Văn V đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành đối với nguyên đơn và không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019, người làm chứng là anh Đỗ Viết Q khai: Anh Q là người quen biết với anh Đoàn Văn V và anh Phạm Ngọc T. Giấy vay tiền ngày 14/11/2016 giữa anh T và anh V có đề tên anh là người làm chứng, anh Q đã được trực tiếp kiểm tra có trong hồ sơ vụ án. Khi vay, hai bên có viết giấy vay tiền, ký nhận và nhờ anh Q là người làm chứng, anh Q có chứng kiến việc đếm và giao nhận tiền giữa hai bên tại cửa hàng của anh Q (cạnh nhà anh V và anh T) nhưng về lãi suất thỏa thuận như thế nào anh Q không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán được phân công, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Bị đơn chưa chấp hành tốt việc triệu tập của Tòa án trong việc tham gia phiên họp và hòa giải. Căn cứ Điều 186; Điều 244; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275; Điều 280; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Ngọc T về việc yêu cầu bị đơn Đoàn Văn V trả số tiền nợ gốc 100.000.000đ; Buộc bị đơn Đoàn Văn V phải trả cho nguyên đơn Phạm Ngọc T số tiền gốc đã vay đến hạn chưa trả 100.000.000đ; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi và mức lãi suất của nguyên đơn; Bị đơn Đoàn Văn V phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch là 5.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS);

Anh Đoàn Văn V thực hiện việc vay nhận tiền của anh Phạm Ngọc T khi anh V đang sinh sống tại Bản Na M, xã Na M, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa và hộ khẩu tại địa chỉ trên; Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho Anh Đoàn Văn V để đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh V theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh V lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng anh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T thấy rằng: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 14/11/2016 có nội dung thể hiện như sau: “Người vay tiền là Đoàn Văn V có vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của người cho vay là anh Phạm Ngọc T, ngày hẹn trả là ngày 14/12/2016, người làm chứng là Đỗ Viết Q, có phần sửa chữa ngày viết ở dòng cuối cùng thành số 14 theo mắt nhìn thông thường”. Xét giấy vay tiền ngày 14/11/2016 được xác lập theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, có người làm chứng, có nội dung phù hợp không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định văn bản giấy vay tiền ngày 14/11/2016 là hợp

pháp, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Anh V luôn vắng mặt và không có ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình là lỗi của anh V. Do anh V vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong giấy vay nợ ngày 14/12/2016, nên anh T yêu cầu anh V phải trả số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ; Nên buộc anh V phải trả cho anh T số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là phù hợp.

[4]. Xét về yêu cầu trả khoản tiền lãi: Thấy rằng, trong giấy vay tiền không thể hiện có việc các bên thỏa thuận trả lãi; Theo anh T khai hai bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài là 20%/năm. Nguyên đơn công nhận anh V đã trả lãi tính từ ngày 01/01/2017 đến hết tháng 12 năm 2017; Xét việc trả lãi do anh V không có ý kiến, hơn nữa việc trả lãi theo lãi suất 20%/năm cũng phù hợp với mức lãi suất mà pháp luật cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, các bên đã thực hiện xong nên không xem xét để tính vào tiền gốc đã trả là phù hợp. Đối với yêu cầu tính tiền lãi từ đầu năm 2018 với thời gian 18 tháng tương ứng với số tiền 30.000.000đ và tiền lãi cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án. Ngày 06/8/2019 trong thời gian hoãn phiên tòa, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V trả số tiền gốc đã vay 100.000.000đ và không yêu cầu về lãi suất. Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu buộc anh V phải trả tiền nợ gốc và rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất như đơn đề nghị ngày 06/8/2019. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi suất của nguyên đơn.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của anh Phạm Ngọc T được chấp nhận nên anh Đoàn Văn V phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Anh Phạm Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của BLTTDS; Điều 275; Điều 280; Điều 351; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc T. Buộc anh Đoàn Văn V phải trả cho anh Phạm Ngọc T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh V không thi hành thì hàng tháng anh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về lãi suất của anh Phạm Ngọc T.

- Về án phí: Anh Đoàn Văn V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Trả lại cho anh Phạm Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.062.500đ (Ba triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000413 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn.

*Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh T, vắng mặt anh V. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Minh Tuân**

